TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-PT
Ngày: 26 – 3 – 2025
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm

Ông Lê Văn Duy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Xuân Bách là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2025/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trà Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người Đại diện theo ủy quyền cho bà Trà Thị L: Chị Trà Thị Bích L1, sinh năm 1980; địa chỉ: D N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.(theo Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 19/02/2025 tại Văn phòng C4). Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Trà Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ: Số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Trà Văn C: Luật sư Nguyễn Trần Phương T – Văn phòng L4, thuộc đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số B đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị T1: Luật sư Nguyễn Trần Phương T – Văn phòng L4, thuộc đoàn Luật sư tỉnh B; địa chỉ: Số B đường L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

2. Bà Trà Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị vắng mặt)

3. Ông Trà Duy T2, sinh năm 1955; địa chỉ: Số F đường T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

4. Ông Trà Ngọc P, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà A đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Có mặt

5. Ông Trà Văn T3, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà B đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (chết ngày 17/02/2025).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trà văn T3:

5.1. Bà Võ Thị X, 1969. Có mặt

5.2. Chị Trà Thị Bích H1, 1989 (có đơn đề nghị vắng mặt)

5.3. Chị Trà Thị Bích H2, 1991 (có đơn đề nghị vắng mặt)

Cùng cư trú: Số nhà B đường M, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Bà Trà Thị H3, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Xuân C1, sinh năm 1967. Vắng mặt

8. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1992. Vắng mặt

9. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Vắng mặt

10. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1997. Vắng mặt

11. Chị Nguyễn Trà T5, sinh năm 1999. Có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, thị xã A, Bình Định.

12. UBND phường B, thị xã A, Bình Định.

Địa chỉ: Số B T, phường B, thị xã A, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T6, chức danh: Công chức Tư pháp – Hộ tịch UBND phường B – theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022. (có đơn đề nghị vắng mặt).

13. Văn phòng C4.

Địa chỉ: Số B L, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình T7, chức vụ: Trưởng Văn phòng C4. Vắng mặt

- Người làm chứng: Ông Hà Trung Q1, sinh năm 1996; Cư trú: Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Trà Văn C là bị đơn và bà Đỗ Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trà Thị L trình bày:

Cha bà là Trà C2, chết năm 2022. Mẹ bà là Phan Thị T8, chết năm 1999. Cha mẹ bà có tất cả 08 người con gồm: Trà Thị H, Trà Duy T2, Trà Ngọc P, Trà Văn C, Trà Thị L, Trà Văn T3, Trà Thị H3, Trà Thị L2 (chết năm 2017). Bà Trà Thị L2 có chồng là Nguyễn Xuân C1 và 04 người con: Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị N, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Trà T5. Ông bà nội, ông bà ngoại của bà đều chết trước cha mẹ của bà.

Trước khi chết, cha mẹ bà có để lại di chúc chung là "Bảng di chúc" được chứng thực ngày 21/10/1998. Nội dung của "Bảng di chúc" thể hiện bên lập di chúc là T, Phan Thị T8. Bên nhận di chúc là Trà Văn C, Đỗ Thị T1 và Trà Thị L (bà). Tài sản lập di chúc là ngôi nhà và đất tại số A N, thị trấn B (nay là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số nhà F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định).

Ngoài ra, sau khi mẹ Phan Thị T8 chết, vào ngày 02/5/2020 cha bà đã lập một di chúc khác. Nội dung của di chúc này thể hiện cụ Trà C2 để lại toàn bộ di sản cho bà.

Nguồn gốc của nhà và đất là do cha mẹ bà tạo lập. Ngoài ra, vợ chồng ông C cũng có công sức đắp đất tôn nền và sửa lại mái nhà như hiện nay. Tại thời điểm cha mẹ bà chết, tất cả người con của cha mẹ đều thành niên và có khả năng lao động được. Sau khi mẹ bà chết thì không ai thực hiện việc chia di sản thừa kế theo Di chúc được chứng thực ngày 21/10/1998. Hiện nay bà cùng với vợ chồng ông Trà Văn C, bà Đỗ Thị T1 đang quản lý nhà và đất tại số nhà F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bà công nhận hiệu lực của Di chúc ngày 21/10/1998 và Di chúc ngày 02/5/2020. Nay bà yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo nội dung các Di chúc của cha mẹ bà để lại là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Bà yêu cầu nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, không nhận giá trị.

Bị đơn ông Trà Văn C trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình. Trước khi chết, cha mẹ ông có để lại di chúc chung. Hiện nay ông đang giữ 01 "Bảng di chúc" được chứng thực ngày 21/10/1998 (sau đây gọi là Di chúc). Ngoài di chúc này, không có bất kỳ di chúc nào khác. Nội dung của Di chúc thể hiện bên lập di chúc là T, Phan Thị T8. Bên nhận di chúc là Trà Văn C, Đỗ Thị T1 (vợ ông) và Trà Thị L. Tài sản lập di chúc là ngôi nhà và đất tại số A N, thị trấn B (nay là số nhà F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định).

Nguồn gốc của nhà và đất là do cha mẹ ông tạo lập. Ngoài cha mẹ ông, không có ai có công sức đóng góp gì đối với nhà và đất này. Tại thời điểm cha mẹ ông chết, tất cả người con của cha mẹ đều thành niên và có khả năng lao động được.

Sau khi mẹ ông chết thì không ai thực hiện việc chia di sản thừa kế theo Di chúc. Ông không biết nội dung của Di chúc do cha ông lập vào ngày 02/5/2020 tại Văn phòng C4. Ông cho rằng di chúc lập ngày 02/5/2020 là không hợp pháp vì thời

điểm này cha ông tuổi đã cao (95 tuổi) nên không còn minh mẫn. Hiện nay vợ chồng ông cùng với bà Trà Thị L đang quản lý nhà và đất tại số nhà F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bà L yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ theo nội dung của hai di chúc thì ông chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L. Ông đồng ý chia di sản thừa kế của cha mẹ theo nội dung "Bảng di chúc" được chứng thực ngày 21/10/1998. Đối với Di chúc được lập vào ngày 02/5/2020 thì ông không công nhận hiệu lực của Di chúc này. Ông cho rằng tại thời điểm lập Di chúc cha ông không còn minh mẫn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị T1 trình bày: Bà là vợ của bị đơn ông Trà Văn C. Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông C. Ngoài ra bà không có ý kiến nào khác.

2. Bà Trà Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ gia đình.

Mẹ bà chết không lập di chúc. Ngày 02/5/2020, tại Văn phòng C4 cha bà đã lập di chúc định đoạt tài sản là phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của cha bà trong khối tài sản chung với mẹ bà là nhà và đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định và phần thừa kế mà cha bà được hưởng từ mẹ bà cho bà Trà Thị L hưởng thừa kế.

Bà không biết cha và mẹ có lập "Bảng di chúc" được chứng thực ngày 21/10/1998. Nội dung của "Bảng di chúc" thể hiện bên lập di chúc là T, Phan Thị T8. Bên nhận di chúc là Trà Văn C, Đỗ Thị T1 và Trà Thị L. Tài sản lập di chúc là ngôi nhà và đất tại số A N, thị trấn B (nay là số nhà F N, phường B, thị xã A). Bà không công nhận tính hợp pháp của "Bảng di chúc" vì mẹ bà Phan Thị T8 và em gái Trà Thị L không biết chữ nhưng trong bản di chúc lại thể hiện chữ ký của họ là không đúng với thực tế.

Nguồn gốc của nhà và đất tại số F, đường N, phường B là do cha mẹ bà tạo lập. Tại thời điểm cha mẹ bà chết, tất cả người con của cha mẹ đều thành niên và có khả năng lao động được.

Bà thống nhất yêu cầu của bà Trà Thị L, công nhận hiệu lực của Di chúc được công chứng ngày 02/5/2020. Bà yêu cầu Tòa án tuyên bố "Bảng di chúc" được chứng thực ngày 21/10/1998 là không hợp pháp và yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản thừa kế mà bà được hưởng cho bà Trà Thị L.

3. Ông Trà Duy T2 trình bày: Ông là anh của bà Trà Thị L và ông Trà Văn C. Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà Trà Thị H. Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

4. Ông Trà Ngọc P trình bày: Ông là anh của bà Trà Thị L và ông Trà Văn C. Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà Trà Thị H. Ngoài ra ông không có ý kiến nào khác.

5. Bà Võ Thị X, chị Trà Thị Bích H1, chị Trà Thị Bích H2 là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trà Văn T3 thống nhất trình bày khi ông T3

còn sống là Yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

6. Bà Trà Thị H3 trình bày: Bà là em của bà Trà Thị L và ông Trà Văn C. Bà thống nhất toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của bà Trà Thị L. Ngoài ra bà không có ý kiến nào khác.

7. Ông Nguyễn Xuân C1 trình bày: Ông là chồng của Trà Thị Lệ . Bà L2 là em của bà Trà Thị L và ông Trà Văn C. Cha mẹ vợ ông là Trà C2 và Phan Thị T8 sinh được 08 người con, vợ ông là con út trong gia đình.

Bà Trà Thị L2 chết năm 2017. Vợ chồng ông có 04 người con: Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị N, Nguyễn Xuân Q, Nguyễn Trà T5. Bà L2 không có con riêng, con nuôi.

Trước khi chết cụ Trà C2 có lập di chúc để lại nhà, đất tại cho bà Trà Thị L. Ngoài ra ông không biết cha mẹ vợ lập di chúc nào khác. Nếu Tòa án xác định ông được hưởng di sản thì ông tự nguyện tặng cho toàn bộ phần được hưởng cho bà Trà Thị L.

8. Chị Nguyễn Thị T4, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân Q, chị Nguyễn Trà T5 thống nhất trình bày: Các anh, chị là con của ông Nguyễn Xuân C1 và bà Trà Thị Lệ . Nếu Tòa án xác định các anh, chị được hưởng di sản thì các anh, chị tự nguyện tặng cho toàn bộ phần được hưởng cho bà Trà Thị L.

9. UBND phường B trình bày: Theo "Bảng di chúc" ngày 21 tháng 10 năm 1998, Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là phường B) đã chứng thực chữ ký của cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8.

Việc đương sự trong vụ án yêu cầu Tòa án xem xét tính hợp pháp của "Bảng di chúc" ngày 21 tháng 10 năm 1998 thì Ủy ban nhân dân phường B xác định việc chứng thực di chúc của cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 là phù hợp với quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân phường B không đồng ý hủy di chúc của cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 được chứng thực ngày 21 tháng 10 năm 1998.

Theo Bản đồ địa chính thì thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định có diện tích là 140m^2 (đất ở). Theo Sơ đồ hiện trạng nhà và đất lập ngày 28 tháng 6 năm 2022 thì thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 có diện tích là 141,2m^2. Nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch diện tích của thửa đất là do lấn chiếm đất quy hoạch thừa còn lại sau khi Nhà nước mở đường Nguyễn Văn L3. Phần diện tích chênh lệch tăng không được công nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân phường B xác định diện tích của thửa đất được công nhận quyền sử dụng đất là 135,9m^2.

10. Văn phòng C4 trình bày: Ngày 02/5/2020 tại Văn phòng C4, ông Trà C2, sinh năm 1925, địa chỉ: số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định lập di chúc để định đoạt phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở của ông trong khối tài sản chung với vợ là bà Phan Thị T8.

Tại thời điểm công chứng di chúc, cụ Trà C2 minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Nội dung của di chúc không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái quy định của luật. Công

chứng viên đã giải thích cho ông Trà C2 rõ toàn bộ nội dung thể hiện trong di chúc và ông Trà C2 tự nguyện điểm chỉ ngón trỏ phải vào di chúc trước sự chứng kiến của Công chứng viên.

Đương sự trong vụ án yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc của ông Trà C2 được công chứng ngày 02/5/2020 là không hợp pháp thì Văn phòng C4 xác định việc công chứng di chúc được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan. Văn phòng C4 không đồng ý với yêu cầu tuyên bố di chúc không hợp pháp.

- Tại cấp phúc thẩm người làm chứng anh H4 Trung Quốc gửi bản khai ngày 24/3/2025 đến tòa trình bày: Ngày 02/5/2020 tại Văn phòng C4, anh là người đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho ông Trà C2 nghe. Sau khi đọc xong nội dung của Di chúc thì anh chứng kiến Công chứng viên cũng đã tiến hành giải thích cho ông Trà C2 hiểu toàn bộ nội dung trong di chúc. Ông Trà C2 mặc dù lớn tuổi, tay run nhưng anh xác định ông Trà C2 vẫn còn minh mẫn và hiểu được toàn bộ nội dung di chúc. Ông trà cập điểm chỉ ngoán trỏ tay phải vào di chúc trước mặt anh. Anh cam đoan lời khai này là sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với lời khai của mình.

Bản án dân sự sơ thẩm số *106/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã A, tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trà Thị L.

2. Phân chia cho bà Trà Thị L toàn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thửa đất có 135,9m^2 đất ở, trên đất có nhà ở diện tích xây dựng 82,8m^2, diện tích sàn 91,8m^2 (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà Trà Thị L phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trà Văn C số tiền 394.692.145 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày ông Trà Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trà Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trà Văn C thì phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Buộc bà Trà Thị L phải thanh toán giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị T1 số tiền 394.692.145 đồng (Ba trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bà Đỗ Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trà Thị L không trả hoặc trả không đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đỗ Thị T1 thì phải chịu tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

5. Buộc ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 phải giao toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho bà Trà Thị L sử dụng, sở hữu.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

* Ngày 28/8/2024 ông Trà Văn C là bị đơn và bà Đỗ Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

Xem xét hủy di chúc ngày 02.5.2020 vì di chúc được lập ông Trà C2 lớn tuổi không còn minh mẫn, có sự gian dối và đe dọa nên không hợp pháp; xem xét phần giá trị tài sản là căn nhà do ông xây dựng, phần dất do ông bồi trúc toàn bộ diện tích đất theo độ cao của mặt đường N; xem xét định giá lại tài sản nhà và đất; Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật nhà và đất để thờ cúng ông bà cha mẹ và thối lại giá trị cho bà L và các đồng thừa kế khác.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trà Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trà Văn C bà Đỗ Thị T1 và xem xét công sức, gìn giữ bảo quản di sản cho vợ chồng ông C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2024 và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trà Thị L hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông C, bà T1 20.000.000 đồng tiền bồi trúc thửa đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa lần hai vắng mặt bà Trà Thị H (có đơn đề nghị vắng mặt), chị Trà Thị Bích H1 (có đơn đề nghị vắng mặt), chị Trà Thị Bích H2 (có đơn đề nghị vắng mặt), bà Trà Thị H3 (có đơn đề nghị vắng mặt), UBND phường B (có đơn đề nghị vắng mặt), ông Hà Quốc T9 (có đơn đề nghị vắng mặt), ông Nguyễn Xuân C1, chị Nguyễn Thị T4, chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Xuân Q, Văn phòng C4. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông C bà T1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về di sản thừa kế:

Khi còn sống vợ chồng cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 tạo lập được tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số nhà F đường N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20). Theo kết quả đo ngày 26/12/2024 tại cấp phúc thẩm thì thửa đất số 34 có diện tích thực tế 140m^2 và nhà trên đất gồm: nhà không trần diện tích 17,3m^2; nhà có trần diện tích 64,9m^2; gác lững gỗ diện tích 11,6m^2; nhà vệ sinh 4,9m^2 và 01 hệ thống ngầm nhà vệ sinh.

Căn cứ theo Công văn số 115/UBND ngày 14/9/2023 và Công văn số 117/UBND ngày 21/6/2024, Ủy ban nhân dân phường B xác định diện tích chênh lệch tăng của thửa đất số 34 là do sai số trong quá trình đo đạc đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử đụng đất nên HĐXX có cơ sở công nhận diện tích thửa đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế.

[2.2] Về giá trị di sản thừa kế:

Căn cứ theo kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2024 tại cấp phúc thẩm thì:

- Đất ở giá 22.000.000đồng/m^2 giá trị 22.000.000đồng/m^2 x 140m^2 = 3.080.000.000đồng;
- Nhà không trần giá trị 3.048.000đồng/m^2 x 35% x 17,3m^2 = 18.455.640đồng.
- Nhà có trần giá trị 3.206.000đồng/m^2 x 35% x 64,9m^2 = 72.824.290đồng.
- Gác lững gỗ giá trị 700.000đồng/m^2 x 35% x 11.6m^2 = 2.842.000đồng.
- Nhà vệ sinh giá trị 3.706.450đồng/m^2 x 35% x 4.9m^2 = 6.356.562đồng.
- 01 hệ thống ngầm nhà vệ sinh giá trị 2.948.400đồng.

Tổng cộng giá trị di sản thừa kế là: 3.183.426.892đồng.

[2.3] Xác định tính hợp pháp của di chúc:

[2.3.1] Xét di chúc năm 1998: ngày 21/10/1998 cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 lập di chúc được chứng thực tại UBND thị trấn B, huyện A (nay là phường B, thị xã A), nội dung di chúc để lại toàn bộ di sản của cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 cho vợ chồng ông Trà Văn C, bà Đỗ Thị T1 và bà Trà Thị L với điều kiện những người được hưởng thừa kế theo di chúc phải có nghĩa vụ chăm sóc, thuốc than khi cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 ốm đau. Xét di chúc có nội dung "Việc lập di chúc trên vợ chồng tôi sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn, tự quyết định, không có sự ép buộc nào cả" nên tại thời điểm lập di chúc, các cụ Trà C2 và Phan Thị T8 minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe doạ hoặc cưỡng ép phù hợp theo quy định tại Điều 655, 660 của Bộ luật Dân sự năm 1995, đồng thời UBND phường B xác định việc chứng thực di chúc là phù hợp quy định pháp luật. Do đó di chúc lập ngày 21/10/1998 của cụ Trà C2 và cụ Phan Thị T8 có chứng thực tại UBND thị trấn B (hiện nay là UBND phường B) là hợp pháp.

[2.3.2] Xét di chúc năm 2020: Sau khi cụ Phan Thị T8 chết ngày 20/8/1999 cụ Trà C2 lập di chúc ngày 20/5/2020, di chúc được công chứng tại Văn phòng C4. Di chúc này có nội dung sau khi cụ Phan Thị T8 chết vợ chồng ông Trà Văn C bà Đỗ Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ chăm sóc, thuốc than như di chúc năm 1998 nên cụ Trà C2 lập di chúc năm 2020 để lại toàn bộ tài sản của cụ cho bà Trà Thị L. Xét nội dung di chúc có ghi tại thời điểm lập di chúc cụ Trà C2 hoàn toàn minh mẫn sáng suốt, đồng thời di chúc còn có người làm chứng anh Hồ Trung Q2 ký tên xác nhận trên di chúc đã chứng kiến cụ Trà C2 nghe công chứng viên giải thích rõ nội dung trong di chúc. Tại bản khai ngày 24/3/2025 gửi cấp phúc thẩm anh Hồ Trung Q2 trình bày "*Ngày 02/5/2020 tại Văn phòng C4, anh là người đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho ông Trà C2 nghe. Sau khi đọc xong nội dung của Di chúc thì anh chứng kiến Công chứng viên cũng đã tiến hành giải thích cho ông Trà C2 hiểu toàn bộ nội dung trong di chúc. Ông Trà C2 mặc dù lớn tuổi, tay run nhưng anh xác định ông Trà C2 vẫn còn minh mẫn và hiểu được toàn bộ nội dung di chúc.*

Ông trà cập điểm chỉ ngoán trỏ tay phải vào di chúc trước mặt anh". Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Văn phòng C4 xác định việc công chứng di chúc theo đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 630 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định Di chúc năm 2020 là di chúc hợp pháp, ông C bà T1 kháng cáo cho rằng di chúc được lập khi cụ Trà C2 lớn tuổi không còn minh mẫn, có sự gian dối và đe dọa là không có cơ sở.

Do di chúc năm 2020 hợp pháp nên di chúc năm 1998 chỉ có hiệu lực một phần đối với phần tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Phan Thị T8 là ½ di sản.

[2.4] Chia thừa kế:

[2.4.1] Đối với phần di sản của cụ phan Thị T8 được chia theo di chúc ngày 21/10/1998, thời điểm mở thừa kế là ngày 20/8/1999. Theo nội dung của Di chúc, cụ Phan Thị T8 để lại phần di sản của mình cho ông Trà Văn C, bà Đỗ Thị T1 và bà Trà Thị L. Theo quy định tại Điều 672 của Bộ luật Dân sự năm 1995, cụ Trà C2 là chồng cụ Phan Thị T8 vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu như di sản được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ T8 gồm 09 người: T, Trà Thị H, Trà Duy T2, Trà Ngọc P, Trà Văn C, Trà Thị L, Trà Văn T3, Trà Thị H3 và Trà Thị Lệ .

Di sản của cụ T8 để lại là 3.183.426.892đồng/2 = 1.591.713.446 đồng.

- Cụ Trà C2 được chia 1.591.713.446 đồng/9 x 2/3 = 117.904.700 đồng.

- Ông Trà Văn C, bà Đỗ Thị T1 và bà Trà Thị L mỗi người được nhận (1.591.713.446 đồng - 117.904.700 đồng)/3 = 491.269.582 đồng.

[2.4.2] Đối với phần di sản của cụ Trà C2 được chia theo di chúc ngày 20/5/2020, thời điểm mở thừa kế là ngày 01/02/2022. Theo nội dung của Di chúc, cụ Trà C2 để lại phần di sản của mình cho bà Trà Thị L nên bà L được nhận toàn bộ di sản của cụ Trà C2 3.183.426.892đồng/2 + 117.904.700 đồng = 1.709.618.146 đồng.

Tổng cộng sau khi chia thừa kế bà Trà Thị L được nhận thừa kế theo di chúc 2.200.887.728 đồng (1.709.618.146 đồng + 491.269.582 đồng); ông Trà Văn C được nhận thừa kế theo di chúc 491.269.582 đồng; bà Đỗ Thị T1 được nhận thừa kế theo di chúc 491.269.582 đồng.

[2.4.3] Phân chia hiện vật: Do bà Trà Thị L được nhận thừa kế nhiều hơn ông C bà T1 (bà L nhận tương đương 70% di sản là nhà đất, vợ chồng ông C chỉ nhận tương đương 30% di sản là nhà đất), đồng thời nhà đất không đủ điều kiện tách thửa do chiều rộng chỉ khoản 5mét, hơn nữa bà L chưa có chỗ ở nên cấp sơ thẩm giao hiện vật nhà và đất cho bà L và bà L thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông C bà T1 là có cơ sở.

[2.4.4] Khi còn sống vợ chồng cụ Trà C2, cụ T8 là người quản lý sử dụng nhà và đất, ông C, bà T1, bà L là người ở nhờ nhà của cha mẹ. Năm 2020 khi cụ Trà C2 chết thì giữa các đương sự đã xảy ra tranh chấp di sản nên cấp sơ thẩm không xem xét công sức, gìn giữ bảo quản di sản cho các đương sự là có cơ sở.

[3] Ngoài ra, ông C bà T1 còn kháng cáo cho rằng căn nhà là do vợ chồng ông C bỏ tiền ra xây và bồi trúc toàn bộ diện tích đất theo độ cao của mặt đường N. Để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình vợ chồng ông C có mời các nhân chứng gồm ông Đào Văn T10 gọi cụ Trà C2 là cậu, ông Trần Văn C3 gọi cụ Trà C2 là D, ông Lê Văn T11 là thợ xây nhà, ông Trà Văn T12 gọi cụ Trà C2 là bác. Tuy nhiên, các nhân chứng cũng chỉ trình bày vợ chồng ông C đứng ra xây nhà và thanh toán chi phí cho việc xây nhà mà không biết thực tế tiền bỏ ra xây nhà là của của ai. Ngược lại nhà đất là của cha mẹ, vợ chồng ông C ở nhờ nhà của cha mẹ và tại thời điểm sửa nhà cụ C2 già yếu không thể trực tiếp đứng ra trông coi việc xây nhà nên vợ chồng ông C, bà L đứng ra trông coi và chi trả tiền sửa nhà giúp cụ C2 là hợp lý. Đồng thời cụ C2, cụ T8 khi lập các di chúc năm 1998 và 2020 đều xác định ngôi nhà và đất thuộc sở hữu của các cụ nên không đủ cơ sở để xác định ông C bà T1 bỏ tiền riêng của vợ chồng xây nhà như hiện nay. Do đó yêu cầu của ông C, bà T1 là không có cơ sở để chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa bà Trà Thị L tự nguyện hỗ trợ thêm cho vợ chồng ông C bà T1 20 triệu đồng tiền bồi trúc thửa đất và được vợ chồng ông C bà T1 đồng ý. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông C bà T1 sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với kết quả định giá lại tài sản ngày 26/12/2024 tại cấp phúc thẩm và ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bà L hỗ trợ cho ông C, bà T1 20 triệu tiền bồi trúc thửa đất.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng 15.000.000 đồng. Bà L phải chịu 10.500.000đồng, ông C bà T1 mỗi người phải chịu 2.250.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, ông C nộp tạm ứng 10.000.000 đồng. Do đó, bà L phải hoàn trả cho ông C 5.500.000 đồng, bà T1 hoàn trả cho ông C 2.250.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị L, ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn chịu án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trà Thị L, ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 được miễn chịu án phí.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 không phải chịu.

[8] Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trà Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Trà Văn C bà Đỗ Thị T1 và xem xét công sức, gìn giữ bảo quản di sản cho vợ chồng ông C là phù hợp với một phần nhận định của HĐXX nên chấp nhận một phần.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp với kết quả định giá tài sản ngày 26/12/2024 và ghi nhận sự tự nguyện của bà Trà Thị L hỗ trợ thêm cho vợ

chồng ông C, bà T1 20.000.000 đồng tiền bồi trúc thửa đất là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 636, 655, 660, 666, 671, 672, 679 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ vào các Điều 611, 630, 640, 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trà Văn C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Tuyết S bản án sơ thẩm số 106/2024/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Giao cho bà Trà Thị L toàn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thửa đất có diện tích 140m^2 đất ở, trên đất có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

3. Buộc bà Trà Thị L có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Trà Văn C 491.269.582 đồng và bà Đỗ Thị T1 491.269.582 đồng.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trà Thị L hỗ trợ cho vợ chồng ông Trà Văn C, bà Đỗ thị T1 20.000.000 đồng.

5. Buộc ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 phải giao toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 8 tại số F N, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định cho bà Trà Thị L sử dụng, sở hữu.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trà Thị L, ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 được miễn nộp. Hoàn trả cho bà Trà Thị L 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005172 ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trà Văn C và bà Đỗ Thị T1 không phải chịu.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm tổng cộng 15.000.000 đồng. Bà L phải chịu 10.500.000đồng; ông C bà T1 mỗi người phải chịu 2.250.000 đồng. Bà L đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, ông C nộp tạm ứng 10.000.000 đồng. Do đó, bà L phải hoàn trả cho ông C 5.500.000 đồng, bà T1 hoàn trả cho ông C 2.250.000 đồng.

8. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

8.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

8.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng